

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Plaintiff
Nguyên Đơn

vs.
kiện

Defendant
Bị Đơn

No.
Số

**Petition and Declaration for Order
Vacating Conviction**
Đơn Xin và Tuyên Bố Lệnh Hủy Bỏ Kết Án
(PT)
(PT)

Petition and Declaration for Order Vacating Conviction
Đơn Xin và Tuyên Bố Lệnh Hủy Bỏ Kết Án

I. Petition
Đơn Xin

1. Defendant asks the court for an order vacating defendant's conviction/s of misdemeanor or gross misdemeanor offenses. This petition is based on RCW 9.96.060 and RCW 9.96.080, the case record and files, and the declaration of defendant.
Bị đơn yêu cầu tòa án ra lệnh hủy bỏ (các) kết án về tội nhẹ hoặc tội nhẹ nghiêm trọng của bị đơn. Đơn xin này được dựa vào RCW 9.96.060 và RCW 9.96.080, hồ sơ và tài liệu vụ án, cũng như cam kết của bị đơn.

Dated: _____
Đề ngày:

Defendant/Defendant's Attorney, WSBA #
Bị Đơn/Luật Sư Của Bị Đơn WSBA #

Print Name
Tên Viết In

II. Declaration of Defendant
Tuyên Bố của Bị Đơn

2. I, (name) _____, state as follows:
Tôi, (tên) _____, tuyên bố như sau:

On (date) _____ I was convicted of the following offense/s:
Vào (ngày) _____ Tôi đã bị kết án (các) tội danh sau đây:

Count No: _____ Offense: _____
Điểm Buộc Tội Số: Tội Danh:

Count No: _____ Offense: _____
Điểm Buộc Tội Số: Tội Danh:

Count No: _____ Offense: _____
Điểm Buộc Tội Số: Tội Danh:

Offense Committed as a Victim of Certain Crimes

Tội Danh Được Thực Hiện như là một Nạn Nhân của Các Tội Nhất Định

3. [] **Conviction as Victim.** I was convicted of a misdemeanor or gross misdemeanor, and the conviction was a result of being a victim of sex trafficking, prostitution, or commercial sexual abuse of a minor; sexual assault; or domestic violence as defined in RCW 9.94A.030. All of the following are true:

Kết Án là Nạn Nhân. Tôi đã bị kết án về tội nhẹ hoặc tội nhẹ nghiêm trọng, và kết án này là hậu quả của việc trở thành một nạn nhân của nạn buôn bán tình dục, mại dâm hoặc lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên; tấn công tình dục hoặc bạo hành gia đình như được quy định trong RCW 9.94A.030. Tất cả các mục sau đây đều đúng:

- I am providing to the sentencing court, or the sentencing court's successor, my statement of the specific facts and circumstances below that prove by a preponderance of the evidence (more likely than not) that the offense was committed as a result of being a victim of one of the above offenses:
Tôi cung cấp cho tòa án tuyên án, hoặc người kế nhiệm của tòa án tuyên án, tuyên bố của tôi về các sự kiện và hoàn cảnh cụ thể dưới đây chứng minh theo cách bằng chứng chiếm ưu thế hơn (nhiều khả năng) rằng tội danh đã được thực hiện là do việc trở thành nạn nhân của một trong những tội danh trên đây:

- [] I have attached my statement that proves by a preponderance of the evidence (more likely than not) that the offense was committed as a result of being a victim of one of the above offenses.

Tôi đã đính kèm tuyên bố của tôi chứng minh theo cách bằng chứng chiếm ưu thế hơn (nhiều khả năng) rằng tội danh đã được thực hiện là do việc trở thành nạn nhân của một trong những tội danh trên đây.

- I have no criminal charges pending in any court of this state or another state.
Tôi không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý tại bất kỳ tòa án nào của tiểu bang này hay một tiểu bang khác.
- I have no criminal charges pending in any federal court for any crime other than prostitution.
Tôi không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý tại bất kỳ tòa án liên bang nào về bất kỳ tội nào khác ngoài tội mại dâm.

- I was convicted of a misdemeanor, and I have not been convicted of a new crime in this state, another state, or tribal court in the 3 years prior to the date of this petition being filed. RCW 9.96.060(2)(h).
Tôi đã bị kết tội nhẹ và tôi không bị kết tội mới nào ở tiểu bang này, một tiểu bang khác hoặc tòa án bộ lạc trong 3 năm trước ngày nộp đơn xin này. RCW 9.96.060(2)(h).
- I have provided proof that the crime victim penalty assessment (RCW 7.68.035) has been paid in full, except where the conviction being vacated is for the crime of prostitution, prostitution loitering, or stay out of the area of prostitution.
Tôi đã cung cấp bằng chứng cho thấy mức tiền phạt dành cho nạn nhân tội phạm (RCW 7.68.035) đã được chi trả đầy đủ, ngoại trừ trường hợp kết án bị hủy bỏ là về tội mại dâm, tụ tập mại dâm hoặc tránh xa khu vực có hoạt động mại dâm.
- Restitution owed to any victim, excluding restitution owed to any insurance provider under Title 48 RCW, has been paid in full.
Khoản bồi thường còn nợ bất kỳ nạn nhân nào, không bao gồm khoản bồi thường còn nợ bất kỳ công ty bảo hiểm nào theo Tiêu Đề 48 RCW, đã được chi trả đầy đủ.
- The offense was not a misdemeanor or gross misdemeanor violation, including attempt, of chapter 9.68 RCW (obscenity and pornography), or chapter 9A.44 RCW (sex offense), except for failure to register as a sex offender under RCW 9A.44.132.
Tội danh không phải là hành vi phạm tội nhẹ hoặc tội nhẹ nghiêm trọng, bao gồm hành vi cố ý vi phạm, chương 9.68 RCW (khiếm nhã và khiêu dâm), hoặc chương 9A.44 RCW (tội danh tình dục), ngoại trừ việc không đăng ký là người phạm tội tình dục theo RCW 9A.44.132.
- The offense was not a conviction as described in RCW 46.61.5055.
Tội danh không phải là sự kết án như được quy định trong RCW 46.61.5055.
- The offense was not patronizing a prostitute as described in RCW 9A.88.110.
Tội danh không phải là quan hệ gái mại dâm như được quy định trong RCW 9A.88.110.

Other Misdemeanor and Gross Misdemeanor Offenses

Các Tội Nhẹ Khác và Tội Nhẹ Nghiêm Trọng

4. **Excluded Offenses:** I know I cannot ask the court to vacate a conviction for the following offenses. RCW 9.96.060(2)(c)-(e):

Các Tội Danh Bị Loại Trừ: Tôi biết mình không thể yêu cầu tòa án hủy bỏ kết án đối với các tội danh sau đây. RCW 9.96.060(2)(c)-(e):

- A violation of chapter 9A.44 RCW (sex offenses), except for failure to register as a sex offender under RCW 9A.44.132.
Một hành vi vi phạm chương 9A.44 RCW (tội danh tình dục), ngoại trừ việc không đăng ký là một người phạm tội tình dục theo RCW 9A.44.132.
- A violation of chapter 9.68 RCW (obscenity and pornography).
Một hành vi vi phạm chương 9.68 RCW (khiếm nhã và khiêu dâm).
- A violation of chapter 9.68A RCW (sexual exploitation of children).
Một hành vi vi phạm chương 9.68A RCW (bóc lột tình dục đối với trẻ em).
- A violent offense as defined in RCW 9.94A.030, or an attempt to commit a violent offense.
Một tội bạo hành được quy định trong RCW 9.94A.030; hoặc một hành vi cố ý phạm tội bạo hành.

- Driving while under the influence (“DUI”) (RCW 46.61.502).
Lái xe khi dưới sự ảnh hưởng (“DUI”) (RCW 46.61.502).
- Actual physical control while under the influence (RCW 46.61.504).
Kiểm soát vật lý thực sự khi dưới sự ảnh hưởng (RCW 46.61.504).
- Operating a railroad, etc., while intoxicated (RCW 9.91.020).
Vận hành đường sắt, v.v. trong khi say xỉn (RCW 9.91.020).

5. [] **Prior Offense:** I was convicted of an offense that is considered a “prior offense” under RCW 46.61.5055 (see below). All of the following are true:

Tội Danh Trước Đó: Tôi đã bị kết tội được xem là một “tội danh trước đó” theo RCW 46.61.5055 (xem dưới đây). Tất cả các mục sau đây đều đúng:

- The prior offense is not a DUI (RCW 46.61.502) or Physical Control (RCW 46.61.504). RCW 9.96.060(2)(d).
Tội danh trước đó không phải là DUI (RCW 46.61.502) hoặc Kiểm Soát Vật Lý (RCW 46.61.504). RCW 9.96.060(2)(d).
- I completed all of the terms of the sentence. All financial obligations for this case are satisfied. RCW 9.96.060(2)(a).
Tôi đã hoàn tất mọi điều khoản của bản án. Tất cả các khoản nghĩa vụ tài chính cho vụ án này đều được chấp hành. RCW 9.96.060(2)(a).
- I have not been convicted of any new crime in this state, another state, or federal or tribal court in the 3 years prior to this vacation application. RCW 9.96.060(2)(h).
Tôi đã không bị kết án bất kỳ tội mới nào ở tiểu bang này, một tiểu bang khác hoặc tòa án liên bang hay bộ lạc trong 3 năm trước ngày nộp đơn xin hủy bỏ này. RCW 9.96.060(2)(h).
- At least 3 years have passed since my release from supervision or probation, from total and partial confinement, or from my sentencing date, whichever is later. RCW 9.96.060(2)(g).
Ít nhất 3 năm đã trôi qua kể từ khi tôi được phóng thích khỏi sự giám sát hoặc quản chế, khỏi nơi giam giữ toàn phần và một phần, hoặc kể từ ngày tôi bị tuyên án, tùy theo ngày nào muộn hơn. RCW 9.96.060(2)(g).
- I have not had a subsequent alcohol or drug violation within 10 years of the date of arrest for the prior offense. RCW 9.96.060(2)(d).
Tôi không vi phạm luật về rượu hoặc ma túy sau đó trong vòng 10 năm kể từ ngày bị bắt vì tội danh trước đó. RCW 9.96.060(2)(d).
- More than 10 years have passed since the date of the arrest for the prior offense. RCW 9.96.060(2)(d).
Đã hơn 10 năm trôi qua kể từ ngày bị bắt vì tội danh trước đó. RCW 9.96.060(2)(d).
- There are no criminal charges pending against me in any court of this state or another state, or in any federal or tribal court as of the date I filed this petition. RCW 9.96.060(2)(b).
Không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý đối với tôi tại bất kỳ tòa án tiểu bang này hay một tiểu bang nào khác, hoặc trong bất kỳ tòa án liên bang hay bộ lạc nào kể từ ngày tôi trình nộp đơn xin. RCW 9.96.060(2)(b).
- I am not currently restrained by a domestic violence protection order, a no-contact order, an anti-harassment protection order, or a civil restraining order which restrains one party from contacting the other party. I was not previously restrained by such an order and found to have committed 1 or more violations of the order in the last 5 years. RCW 9.96.060(2)(i).
Tôi hiện không bị hạn chế bởi lệnh bảo vệ chống bạo hành gia đình, lệnh cấm tiếp xúc, lệnh bảo vệ chống quấy rối hoặc lệnh hạn chế dân sự hạn chế một

đương sự tiếp xúc với đương sự còn lại. Trước đây, tôi không bị hạn chế bởi lệnh như vậy và bị phát hiện đã thực hiện 1 hoặc nhiều hành vi vi phạm của lệnh này trong 5 năm qua. RCW 9.96.060(2)(i).

A “prior offense” means (RCW 46.61.5055(14)):

Một “tội danh trước đó” có nghĩa là (RCW 46.61.5055(14)):

Original Convictions, including equivalent local ordinances, for:

Kết Án Ban Đầu, bao gồm các sắc lệnh địa phương tương đương, đối với tội:

- Driving Under the Influence (DUI) (RCW 46.61.502) or an equivalent out-of-state conviction.
Lái Xe Dưới Sự Ảnh Hưởng (DUI) (RCW 46.61.502) hoặc một kết án tương đương ở ngoài tiểu bang.
- Physical Control of a Vehicle under the Influence (Physical Control) (RCW 46.61.504) or an equivalent out-of-state conviction.
Kiểm Soát Vật Lý Xe Cộ dưới Sự Ảnh Hưởng (Kiểm Soát Vật Lý) (RCW 46.61.504) hoặc một kết án tương đương ở ngoài tiểu bang.
- Commercial Vehicle DUI/Physical Control (RCW 46.25.110).
Lái Xe Thương Mại Dưới Sự Ảnh Hưởng/Kiểm Soát Vật Lý (RCW 46.25.110).
- Watercraft DUI (RCW 79A.60.040(2)).
Lái Tàu Thuyền Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 79A.60.040(2)).
- Aircraft DUI (RCW 47.68.220).
Lái Máy Bay Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 47.68.220).
- Nonhighway vehicle DUI (RCW 46.09.470(2)).
Lái Xe không chạy trên đường cao tốc Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 46.09.470(2)).
- Snowmobile DUI (RCW 46.10.490(2)).
Lái Xe trượt tuyết Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 46.10.490(2)).

Amended Convictions:

Kết Án Được Sửa Đổi:

- **Originally charged with** DUI (RCW 46.61.502) or Physical Control (RCW 46.61.504) or an equivalent local ordinance, or Vehicular Homicide (RCW 46.61.520) or Vehicular Assault (RCW 46.61.522); **but convicted of** Negligent Driving 1st (RCW 46.61.5249), Reckless Driving (RCW 46.61.500), or Reckless Endangerment (RCW 9A.36.050) or an equivalent local ordinance. This section also applies for equivalent out-of-state convictions.
Bị cáo buộc ban đầu với tội DUI (RCW 46.61.502) hoặc Kiểm Soát Vật Lý (RCW 46.61.504) hoặc một sắc lệnh địa phương tương đương, hay Lái Xe Gây Tai Nạn Chết Người (RCW 46.61.520) hoặc Tấn Công Bằng Xe Cộ (RCW 46.61.522); nhưng bị kết án Lái Xe Cẩu Thả Cấp 1 (RCW 46.61.5249), Lái Xe Liều Lĩnh (RCW 46.61.500), hoặc Sự Nguy Hiểm Liều Lĩnh (RCW 9A.36.050) hay một sắc lệnh địa phương tương đương. Mục này cũng áp dụng cho các lần kết án tương đương ở ngoài tiểu bang.
- **Originally charged with** Watercraft DUI (RCW 79A.60.040(2)) or an equivalent local ordinance, **but convicted of** Operating a Watercraft in a reckless manner (RCW 79A.60.040(1)) or an equivalent local ordinance.
Bị cáo buộc ban đầu với tội Lái Tàu Thuyền Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 79A.60.040(2)) hoặc một sắc lệnh địa phương tương đương, nhưng bị kết án Vận Hành Tàu Thuyền theo một cách liều lĩnh (RCW 79A.60.040(1)) hay một sắc lệnh địa phương tương đương.

- **Originally charged with** Aircraft DUI (RCW 47.68.220) or an equivalent local ordinance, **but convicted of** Operating an Aircraft in a careless or reckless manner (RCW 47.68.220) or an equivalent local ordinance.
Bị cáo buộc ban đầu với tội Lái Máy Bay Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 47.68.220) hoặc một sắc lệnh địa phương tương đương, nhưng bị kết án Vận Hành Máy Bay theo một cách cầu thả hoặc liều lĩnh (RCW 47.68.220) hay một sắc lệnh địa phương tương đương.

Deferred Prosecution Granted for:

Thỏa Thuận Truy Tố Hoãn Lại Được Chấp Nhận đối với tội:

- Driving Under the Influence (DUI) (RCW 46.61.502), including local and out-of-state equivalents.
Lái Xe Dưới Sự Ảnh Hưởng (RCW 46.61.502), bao gồm sắc lệnh địa phương và ngoài tiểu bang tương đương
- Physical Control of a Vehicle under the Influence (Physical Control) (RCW 46.61.504), including local and out-of-state equivalents.
Kiểm Soát Vật Lý Xe Cộ dưới Sự Ảnh Hưởng (Kiểm Soát Vật Lý) (RCW 46.61.504), bao gồm sắc lệnh địa phương và ngoài tiểu bang tương đương.
- Negligent Driving 1st (RCW 46.61.5249) or equivalent local ordinance if the charge under which the deferred prosecution was granted was originally filed as a violation of DUI (RCW 46.61.502) or Physical Control (RCW 46.61.504), or an equivalent local ordinance, or Vehicular Homicide (RCW 46.61.520) or Vehicular Assault (RCW 46.61.522).
Lái Xe Cầu Thả Cấp 1 (RCW 46.61.5249) hoặc sắc lệnh địa phương tương đương nếu cáo buộc dưới sự chấp thuận hoãn truy tố đã được trình nộp ban đầu là một hành vi vi phạm DUI (RCW 46.61.502) hoặc Kiểm Soát Vật Lý (RCW 46.61.504), hay một sắc lệnh địa phương tương đương, hoặc Lái Xe Gây Tai Nạn Chết Người (RCW 46.61.520) hoặc Tấn Công Bằng Xe Cộ (RCW 46.61.522).
- An equivalent out-of-state deferred prosecution for DUI or Physical Control, including a substance use disorder treatment program. (RCW 46.61.5055(14)(a)(xvi)).
Thỏa thuận truy tố hoãn lại tương đương ở ngoài tiểu bang đối với DUI hoặc Kiểm Soát Vật Lý, bao gồm chương trình điều trị rối loạn sử dụng chất gây nghiện. (RCW 46.61.5055(14)(a)(xvi)).

Deferred Sentences for:

Án Treo đối với:

Originally charged with DUI (RCW 46.61.502) or Physical Control (RCW 46.61.504) or an equivalent local ordinance, or Vehicular Homicide (RCW 46.61.520) or Vehicular Assault (RCW 46.61.522); but deferred sentence was imposed for Negligent Driving 1st (RCW 46.61.5249), Reckless Driving (RCW 46.61.500), Reckless Endangerment (RCW 9A.36.050), or an equivalent local ordinance.
Bị cáo buộc ban đầu với tội DUI (RCW 46.61.502) hoặc Kiểm Soát Vật Lý (RCW 46.61.504) hoặc một sắc lệnh địa phương tương đương, hay Lái Xe Gây Tai Nạn Chết Người (RCW 46.61.520) hoặc Tấn Công Bằng Xe Cộ (RCW 46.61.522); nhưng án treo đã được áp đặt cho tội Lái Xe Cầu Thả Cấp 1 (RCW 46.61.5249), Lái Xe Liều Lĩnh (RCW 46.61.500), hoặc Sự Nguy Hiểm Liều Lĩnh (RCW 9A.36.050) hay một sắc lệnh địa phương tương đương.

6. [] **Domestic Violence:** I was convicted of an offense involving domestic violence. I have complied with the following conditions (RCW 9.96.060(2)(f)) and all the following statements are true:

Bạo Hành Gia Đình: Tôi đã bị kết tội liên quan đến bạo hành gia đình. Tôi đã tuân thủ các điều kiện sau đây (RCW 9.96.060(2)(f)) và tất cả các tuyên bố dưới đây đều đúng sự thật:

- I provided the prosecuting attorney's office that prosecuted the offense with written notice of this petition. RCW 9.96.060(2)(f)(i).
Tôi đã cung cấp cho văn phòng ủy viên công tố đã truy tố tội danh bằng văn bản thông báo về đơn xin này. RCW 9.96.060(2)(f)(i).
- I filed the original notice with this court. RCW 9.96.060(2)(f)(i).
Tôi đã trình nộp thông báo ban đầu cho tòa án này. RCW 9.96.060(2)(f)(i).
- I have not been convicted of 2 or more domestic violence offenses stemming from different incidents. RCW 9.96.060(2)(f)(ii).
Tôi đã không bị kết án 2 hoặc nhiều tội bạo hành gia đình bắt nguồn từ các sự cố khác nhau. RCW 9.96.060(2)(f)(ii).
- I have never signed an affidavit under penalty of perjury where I lied, stating that I have not previously had a conviction for a domestic violence offense, but then a criminal history check revealed that I have had such a conviction. RCW 9.96.060(2)(f)(iii).
Tôi chưa bao giờ ký vào bản tuyên thệ dưới hình phạt về tội khai man khi tôi nói dối, nêu rõ rằng trước đây, tôi đã không bị kết tội bạo hành gia đình, nhưng sau đó khi kiểm tra tiền án, tôi phát hiện ra rằng tôi đã bị kết tội như vậy. RCW 9.96.060(2)(f)(iii).
- I completed all of the terms of the sentence. All financial obligations for this case are satisfied. RCW 9.96.060(2)(a).
Tôi đã hoàn tất mọi điều khoản của bản án. Tất cả các khoản nghĩa vụ tài chính cho vụ án này đều được chấp hành. RCW 9.96.060(2)(a).
- It has been at least 5 years since I completed the terms of the original conditions of the sentence, including successful completion of any treatment ordered, but excluding the payment of financial obligations. RCW 9.96.060(2)(f)(iv).
Đã ít nhất 5 năm trôi qua kể từ khi tôi hoàn tất các điều khoản trong những điều kiện ban đầu của bản án, bao gồm việc hoàn tất thành công bất kỳ điều trị nào được yêu cầu, nhưng không bao gồm quá trình chi trả các khoản nghĩa vụ tài chính. RCW 9.96.060(2)(f)(iv).
- I have not been convicted of any new crime in this state, another state, or federal or tribal court in the 3 years prior to this vacation application. RCW 9.96.060(2)(h).
Tôi đã không bị kết án bất kỳ tội mới nào ở tiểu bang này, một tiểu bang khác hoặc tòa án liên bang hay bộ lạc trong 3 năm trước ngày nộp đơn xin hủy bỏ này. RCW 9.96.060(2)(h).
- I have no criminal charges pending against me in any court of this state or another state, or in any federal or tribal court as of the date I file this petition. RCW 9.96.060(2)(b).
Tôi không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý đối với tôi tại bất kỳ tòa án tiểu bang này hay một tiểu bang nào khác, hoặc trong bất kỳ tòa án liên bang hay bộ lạc nào kể từ ngày tôi trình nộp đơn xin này. RCW 9.96.060(2)(b).
- I am not currently restrained by a domestic violence protection order, a no-contact order, an anti-harassment protection order, or a civil restraining order which restrains one party from contacting the other party. I was not previously restrained by such an order and found to have committed 1 or more violations of the order in the last 5 years. RCW 9.96.060(2)(i).

Tôi hiện không bị hạn chế bởi lệnh bảo vệ chống bạo hành gia đình, lệnh cấm tiếp xúc, lệnh bảo vệ chống quấy rối hoặc lệnh hạn chế dân sự hạn chế một đương sự tiếp xúc với đương sự còn lại. Trước đây, tôi không bị hạn chế bởi lệnh như vậy và bị phát hiện đã thực hiện 1 hoặc nhiều hành vi vi phạm của lệnh này trong 5 năm qua. RCW 9.96.060(2)(i).

7. [] **Offenses not otherwise specified above**, and all the following statements are true: **Các tội danh không được nêu rõ trên đây** và tất cả các tuyên bố sau đây đều đúng sự thật:

- I completed all of the terms of the sentence. All financial obligations for this case are satisfied. RCW 9.96.060(2)(a).
Tôi đã hoàn tất mọi điều khoản của bản án. Tất cả các khoản nghĩa vụ tài chính cho vụ án này đều được chấp hành. RCW 9.96.060(2)(a).
- At least 3 years have passed since my release from supervision or probation, from total and partial confinement, or from my sentencing date, whichever is later. RCW 9.96.060(2)(g).
Ít nhất 3 năm đã trôi qua kể từ khi tôi được phóng thích khỏi sự giám sát hoặc quản chế, khỏi nơi giam giữ toàn phần và một phần, hoặc kể từ ngày tôi bị tuyên án, tùy theo ngày nào muộn hơn. RCW 9.96.060(2)(g).
- I have not been convicted of any new crime in this state, another state, or federal or tribal court in the 3 years prior to this vacation application. RCW 9.96.060(2)(h).
Tôi đã không bị kết án bất kỳ tội mới nào ở tiểu bang này, một tiểu bang khác hoặc tòa án liên bang hay bộ lạc trong 3 năm trước ngày nộp đơn xin hủy bỏ này. RCW 9.96.060(2)(h).
- There are no criminal charges pending against me in any court of this state or another state, or in any federal or tribal court as of the date I file this petition. RCW 9.96.060(2)(b).
Không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý đối với tôi tại bất kỳ tòa án tiểu bang này hay một tiểu bang nào khác, hoặc trong bất kỳ tòa án liên bang hay bộ lạc nào kể từ ngày tôi trình nộp đơn xin này. RCW 9.96.060(2)(b).
- I am not currently restrained by a domestic violence protection order, a no-contact order, an anti-harassment protection order, or a civil restraining order which restrains one party from contacting the other party. I was not previously restrained by such an order and found to have committed 1 or more violations of the order in the last 5 years. RCW 9.96.060(2)(i).
Tôi hiện không bị hạn chế bởi lệnh bảo vệ chống bạo hành gia đình, lệnh cấm tiếp xúc, lệnh bảo vệ chống quấy rối hoặc lệnh hạn chế dân sự hạn chế một đương sự tiếp xúc với đương sự còn lại. Trước đây, tôi không bị hạn chế bởi lệnh như vậy và bị phát hiện đã thực hiện 1 hoặc nhiều hành vi vi phạm của lệnh này trong 5 năm qua. RCW 9.96.060(2)(i).

I declare under penalty of perjury, under the laws of the state of Washington, that the foregoing and any attachments are, to the best of my knowledge, true and correct.

Tôi cam kết dưới mọi hình phạt khai man, theo các luật lệ của tiểu bang Washington, rằng những điều đã nói ở trên và bất kỳ phụ lục nào, theo sự hiểu biết nhất của tôi, là hoàn toàn đúng sự thật.

Signed at (city or county) _____, Washington on (date) _____.
Đã ký tại (thành phố hoặc quận) _____, Washington vào (ngày) _____.

Defendant's Signature

Chữ Ký Của Bị Đơn

Print Name

Tên Viết In

Mailing Address, unless confidential:

Địa Chỉ Gửi Thư, trừ khi tài liệu mật:

Street Address or PO Box

Địa Chỉ Đường hoặc PO Box

City

Thành Phố

State

Zip

Tiểu Bang Mã Vùng